

Số: 446/QĐ-HVYDHCTVN

Hà Nội, ngày 03 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chuẩn đầu ra và Chương trình đào tạo ngành Dược học
trình độ đại học**

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN Y-DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 30/2005/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học số 34/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 14 tháng 03 năm 2016 ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo đại học và Trưởng khoa Dược.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chuẩn đầu ra và Chương trình đào tạo ngành Dược học trình độ đại học, chương trình được áp dụng cho khóa tuyển sinh từ năm 2020.

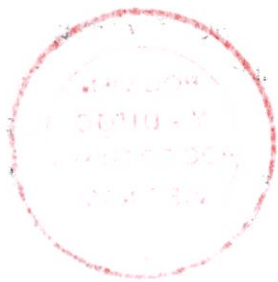
Điều 2. Các đơn vị liên quan có nhiệm vụ tổ chức quản lý, điều hành, biên soạn đề cương chi tiết học phần; biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy và học tập cho phù hợp.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Các ông/bà Trưởng phòng: Đào tạo đại học, Quản lý chất lượng, Công tác chính trị và Quản lý sinh viên, Hành chính-Tổng hợp, Tài chính kế toán và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám đốc (để b/c);
- Lưu: VT, ĐTDH.





CHUẨN ĐẦU RA

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO DƯỢC HỌC TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 446 /QĐ-HVYDHCTVN ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Tên ngành đào tạo: **DƯỢC HỌC (PHARMACY)**

Mã ngành đào tạo: 7720201

Trình độ đào tạo: Đại học

Thời gian đào tạo: 5 năm

Loại hình đào tạo: Chính quy

Chức danh sau khi tốt nghiệp: Dược sĩ đại học

I. CHUẨN ĐẦU RA

CDR1. Thực hành chuyên môn theo đúng đường lối, chủ trương, quan điểm lãnh đạo của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước bao gồm các văn bản pháp luật nói chung và các văn bản đặc thù trong lĩnh vực y tế nói riêng, theo đúng quy tắc đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm cao, tận tụy phục vụ nhân dân.

CDR2. Vận dụng được những kiến thức về khoa học cơ bản, y - dược cơ sở và chuyên ngành vào thực hành nghề nghiệp có hiệu quả.

CDR3. Tuân thủ việc kết hợp kiến thức y dược học hiện đại với y dược học cổ truyền; Tích cực, chủ động tuyên truyền kiến thức về chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cộng đồng; Cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu có chất lượng.

CDR4. Vận dụng những kiến thức về chiết xuất, công nghệ sinh học, bán tổng hợp, tổng hợp trong xây dựng quy trình và sản xuất một số nguyên liệu làm thuốc; Ứng dụng các kiến thức về thực vật, dược liệu, dược học cổ truyền để tạo ra nguồn nguyên liệu làm thuốc.

CDR5. Triển khai thực hiện nghiên cứu, phát triển công thức các dạng thuốc; Đánh giá được vai trò, ảnh hưởng của các thành phần trong công thức, quy trình bào chế, sản xuất đến độ ổn định, độ an toàn, sinh khả dụng và hiệu quả điều trị của thuốc.

CDR6. Thực hiện được lựa chọn thuốc, mua sắm thuốc hợp lý và phù hợp với các quy định; Thực hiện quản lý phân phối, cấp phát và tồn trữ thuốc hiệu quả; Vận dụng được các quy định về cung ứng trong quản lý sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả và kinh tế.

động thúc đẩy sử dụng thuốc hợp lý tại cơ sở y tế; Theo dõi, giám sát việc sử dụng thuốc trên người bệnh.

CĐR8. Triển khai được việc phân tích, kiểm nghiệm thuốc và nguyên liệu làm thuốc theo Dược điển Việt Nam; Áp dụng được các nguyên tắc thực hành tốt (GPs) trong sản xuất và cung ứng; Xây dựng và áp dụng các quy trình thao tác chuẩn (SOPs) để đảm bảo chất lượng thuốc; Đánh giá, phân tích nguy cơ và xu hướng về chất lượng thuốc trong quá trình sản xuất, cung ứng, bảo quản và đề xuất các biện pháp nhằm đảm bảo chất lượng thuốc; Thực hiện các kỹ thuật phân tích thuốc trong nghiên cứu phát triển thuốc, nguyên liệu làm thuốc.

CĐR9. Lập kế hoạch và tham gia vào một số quy trình lập kế hoạch chung của đơn vị, tổ chức làm việc hiệu quả. Có khả năng tiếp nhận, xử lý thông tin và ra quyết định phù hợp, truyền đạt thông tin chính xác, đầy đủ và thuyết phục. Có kỹ năng tự đánh giá, tự học hỏi để hoàn thiện và phát triển bản thân. Có khả năng phát hiện một số vấn đề tồn tại trong công việc, đưa ra được ý kiến đề xuất khắc phục.

CĐR10. Thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ để đáp ứng các yêu cầu phát triển nghề nghiệp và phục vụ nhu cầu xã hội. Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin, ngoại ngữ trong học tập, nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp.

CĐR11. Có tinh thần tập thể, sẵn sàng tham gia các công tác sản xuất, nghiên cứu để phục vụ Học viện, cộng đồng xã hội, đoàn thể; Có ý thức ứng dụng kiến thức chuyên môn để xây dựng, định hướng, thúc đẩy trình độ hiểu biết trong lựa chọn và sử dụng của người tiêu dùng thông qua các sản phẩm của ngành Dược.

II. VỊ TRÍ LÀM VIỆC CỦA NGƯỜI HỌC SAU TỐT NGHIỆP

- Đảm nhiệm các vị trí công tác dược trong các đơn vị quản lý, cơ sở điều trị, các công ty sản xuất, kinh doanh (sản xuất dược phẩm hoặc cung ứng thuốc), các trung tâm kiểm nghiệm dược phẩm, mỹ phẩm và các cơ sở y tế khác có liên quan đến ngành dược thuộc công lập và ngoài công lập
- Trực tiếp mở nhà thuốc tham gia kinh doanh thuốc theo quy định hiện hành của nhà thuốc về hành nghề dược.
- Giảng dạy, nghiên cứu khoa học và quản lý trong các đơn vị đào tạo: Trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu,

III. KHẢ NĂNG HỌC TẬP NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SAU KHI RA TRƯỜNG

- Dược sĩ chuyên khoa I
- Dược sĩ chuyên khoa II
- Thạc sĩ Dược
- Tiến sĩ Dược

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO DƯỢC HỌC

TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-HVYDHCTVN ngày tháng năm 2020
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Tên ngành đào tạo: **DƯỢC HỌC (PHARMACY)**

Mã ngành đào tạo: 7720201

Trình độ đào tạo: Đại học

Thời gian đào tạo: 5 năm

Loại hình đào tạo: Chính quy

I. MỤC TIÊU

1.1. Mục tiêu tổng quát

Đào tạo Dược sĩ đại học có phẩm chất đạo đức tốt, có kiến thức khoa học cơ bản, y - dược cơ sở, kiến thức và kỹ năng về chuyên môn, nghiệp vụ khoa học Dược vững chắc đạt chuẩn năng lực Dược sĩ Việt Nam; có khả năng làm việc trong lĩnh vực dược một cách chuyên nghiệp, độc lập, sáng tạo; có kiến thức và kỹ năng chuyên môn để tư vấn về sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả; để sản xuất, quản lý và cung ứng thuốc; Có khả năng quản lý và cung ứng thuốc tốt; Có tầm nhìn, có khả năng hội nhập tốt, tự học nâng cao trình độ chuyên môn và nghiên cứu khoa học đáp ứng nhu cầu bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Về kiến thức

MT1. Vận dụng các nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin, đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam và Tư tưởng Hồ Chí minh, Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước vào công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân nói chung, liên quan đến ngành Dược nói riêng. Thực hiện các quy định, chính sách của pháp luật, luật Dược và các văn bản quy phạm pháp luật khác liên quan đến hành nghề Dược.

MT2. Vận dụng được những kiến thức về khoa học cơ bản, y dược học cơ sở, tuân thủ các quy định nghề nghiệp trong hoạt động chuyên môn Dược.

MT3. Vận dụng được về nguồn nguyên liệu hóa dược làm thuốc, kỹ thuật sản xuất và nghiên cứu phát triển thuốc mới để xây dựng công thức, bào chế, sản xuất các dạng thuốc thông thường và một số dạng thuốc đặc biệt.

MT4. Vận dụng được về dược động học, dược lý, dược lâm sàng trong hướng dẫn sử dụng thuốc và điều trị.

thống quản lý chất lượng thuốc vào việc thực hiện tốt công tác đảm bảo chất lượng thuốc và nguyên liệu làm thuốc.

MT6. Vận dụng được kiến thức về thực vật, dược liệu, dược học cổ truyền để sử dụng dược liệu vào các chế phẩm có nguồn gốc dược liệu, phát triển các bài thuốc dân gian, các phương thuốc cổ truyền một cách hiệu quả trong công tác phòng bệnh và chữa bệnh.

MT7. Vận dụng được các kiến thức cơ bản về kinh tế và quản trị kinh doanh dược để thực hiện tốt công tác cung ứng thuốc, điều hành doanh nghiệp dược hiệu quả.

Về kỹ năng

Kỹ năng cứng

Tham gia tổ chức và triển khai được việc thực hành tốt trong các lĩnh vực: sản xuất, đảm bảo chất lượng, tồn trữ, cung ứng và tư vấn sử dụng thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng. Triển khai được các hoạt động khoa học công nghệ trong các lĩnh vực trên.

Cụ thể như sau:

MT8. Vận dụng kỹ năng phân tích cấu trúc thuốc hoặc các nguyên liệu làm thuốc để ứng dụng trong quá trình bảo quản, kiểm nghiệm và bào chế thuốc.

MT9. Thiết kế được công thức, xây dựng được quy trình và tiến hành bào chế được các dạng thuốc thông thường và một số dạng thuốc mới. Xây dựng và áp dụng các quy trình thao tác chuẩn (SOPs) để đảm bảo chất lượng thuốc, tham gia thực hiện được hoạt động kiểm tra chất lượng thuốc theo yêu cầu thực tế.

MT10. Tư vấn, hướng dẫn sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả. Triển khai được công tác dược lâm sàng tại bệnh viện.

MT11. Chiết xuất, định tính phân lập được các thành phần hóa học trong cây thuốc; Kiểm nghiệm dược liệu bằng phương pháp hiển vi; Xây dựng được các kế hoạch bảo tồn, khai thác, nuôi trồng, chế biến các vị thuốc từ dược liệu và tổ chức, sản xuất được các thuốc có nguồn gốc từ dược liệu.

MT12. Vận dụng được kỹ năng về quản lý và kinh tế dược trong lựa chọn, mua sắm, phân phối, tồn trữ thuốc phù hợp với từng địa phương, đơn vị.

MT13. Triển khai được luật Dược, các văn bản pháp qui về Dược và có khả năng đào tạo chuyên môn dược cho nhân viên y tế cũng như cộng đồng. Tổ chức được các chương trình phổ cập thông tin về thuốc.

Kỹ năng mềm

MT14. Có kỹ năng giao tiếp, ứng xử tốt với người bệnh, người chăm sóc, khách hàng, đồng nghiệp và cộng đồng theo chuẩn mực quy tắc ứng xử trong ngành y tế.

MT15. Sử dụng tối thiểu một ngoại ngữ để đọc, hiểu được tài liệu chuyên môn và giao tiếp tốt với các đối tác là người nước ngoài.

ngiên cứu khoa học và hoạt động nghề nghiệp.

Mức độ tự chủ và trách nhiệm

MT17. Tác phong hành nghề chuyên nghiệp theo chuẩn mực đạo đức, pháp lý và tôn trọng các giá trị văn hóa đa dạng. Tôn trọng, chân thành hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp, giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành.

MT18. Trung thực khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và ý thức học tập phát triển nghề nghiệp suốt đời.

MT19. Coi trọng việc kết hợp y dược học hiện đại với y dược học cổ truyền; Có ý thức bảo vệ môi trường.

II. CHUẨN ĐẦU RA

CĐR1. Thực hành chuyên môn theo đúng đường lối, chủ trương, quan điểm lãnh đạo của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước bao gồm các văn bản pháp luật nói chung và các văn bản đặc thù trong lĩnh vực y tế nói riêng, theo đúng quy tắc đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm cao, tận tụy phục vụ nhân dân.

CĐR2. Vận dụng được những kiến thức về khoa học cơ bản, y - dược cơ sở và chuyên ngành vào thực hành nghề nghiệp có hiệu quả.

CĐR3. Tuân thủ việc kết hợp kiến thức y dược học hiện đại với y dược học cổ truyền; Tích cực, chủ động tuyên truyền kiến thức về chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cộng đồng; Cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu có chất lượng.

CĐR4. Vận dụng những kiến thức về chiết xuất, công nghệ sinh học, bán tổng hợp, tổng hợp trong xây dựng quy trình và sản xuất một số nguyên liệu làm thuốc; Ứng dụng các kiến thức về thực vật, dược liệu, dược học cổ truyền để tạo ra nguồn nguyên liệu làm thuốc.

CĐR5. Triển khai thực hiện nghiên cứu, phát triển công thức các dạng thuốc; Đánh giá được vai trò, ảnh hưởng của các thành phần trong công thức, quy trình bào chế, sản xuất đến độ ổn định, độ an toàn, sinh khả dụng và hiệu quả điều trị của thuốc.

CĐR6. Thực hiện được lựa chọn thuốc, mua sắm thuốc hợp lý và phù hợp với các quy định; Thực hiện quản lý phân phối, cấp phát và tồn trữ thuốc hiệu quả; Vận dụng được các quy định về cung ứng trong quản lý sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả và kinh tế.

CĐR7. Tham gia xây dựng, triển khai kế hoạch điều trị cho người bệnh, các hoạt động thúc đẩy sử dụng thuốc hợp lý tại cơ sở y tế; Theo dõi, giám sát việc sử dụng thuốc trên người bệnh.

CĐR8. Triển khai được việc phân tích, kiểm nghiệm thuốc và nguyên liệu làm thuốc theo Dược điển Việt Nam; Áp dụng được các nguyên tắc thực hành tốt (GPs) trong sản xuất và cung ứng; Xây dựng và áp dụng các quy trình thao tác chuẩn (SOPs) để đảm bảo chất lượng thuốc; Đánh giá, phân tích nguy cơ và xu hướng về chất lượng thuốc trong quá trình sản xuất, cung ứng, bảo quản và đề xuất các biện pháp nhằm đảm bảo

thuốc, nguyên liệu làm thuốc.

CDR9. Lập kế hoạch và tham gia vào một số quy trình lập kế hoạch chung của đơn vị, tổ chức làm việc hiệu quả. Có khả năng tiếp nhận, xử lý thông tin và ra quyết định phù hợp, truyền đạt thông tin chính xác, đầy đủ và thuyết phục. Có kỹ năng tự đánh giá, tự học hỏi để hoàn thiện và phát triển bản thân. Có khả năng phát hiện một số vấn đề tồn tại trong công việc, đưa ra được ý kiến đề xuất khắc phục.

CDR10. Thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ để đáp ứng các yêu cầu phát triển nghề nghiệp và phục vụ nhu cầu xã hội. Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin, ngoại ngữ trong học tập, nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp.

CDR11. Có tinh thần tập thể, sẵn sàng tham gia các công tác sản xuất, nghiên cứu để phục vụ Học viện, cộng đồng xã hội, đoàn thể; Có ý thức ứng dụng kiến thức chuyên môn để xây dựng, định hướng, thúc đẩy trình độ hiểu biết trong lựa chọn và sử dụng của người tiêu dùng thông qua các sản phẩm của ngành Dược.

III. VỊ TRÍ LÀM VIỆC CỦA NGƯỜI HỌC SAU TỐT NGHIỆP

- Đảm nhiệm các vị trí công tác dược trong các đơn vị quản lý, cơ sở điều trị, các công ty sản xuất, kinh doanh (sản xuất dược phẩm hoặc cung ứng thuốc), các trung tâm kiểm nghiệm dược phẩm, mỹ phẩm và các cơ sở y tế khác có liên quan đến ngành dược thuộc công lập và ngoài công lập
- Trực tiếp mở nhà thuốc tham gia kinh doanh thuốc theo quy định hiện hành của nhà thuốc về hành nghề dược.
- Giảng dạy, nghiên cứu khoa học và quản lý trong các đơn vị đào tạo: Trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu,

IV. KHẢ NĂNG HỌC TẬP NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SAU KHI RA TRƯỜNG

- Dược sĩ chuyên khoa I
- Dược sĩ chuyên khoa II
- Thạc sĩ Dược
- Tiến sĩ Dược

V. NỘI DUNG DẠY HỌC

5.1. Cấu trúc kiến thức dạy học của chương trình

TT	Khối lượng học tập	Số tín chỉ
1	Kiến thức giáo dục đại cương (chưa tính các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)	23
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, trong đó:	
	- Kiến thức cơ sở khối ngành	17
	- Kiến thức cơ sở ngành	27

3	Các học phần tự chọn	
Khối lượng kiến thức toàn khóa		151

- 01 tín chỉ tương đương 15 tiết lý thuyết, 30 tiết thực tập tại các phòng thí nghiệm, 45 tiết thực tập tại bệnh viện, 60 tiết thực tập cộng đồng, giáo dục quốc phòng.

5.2. Danh mục các học phần/môn học bắt buộc

5.2.1. Kiến thức giáo dục đại cương

TT	Mã học phần	Tên học phần/môn học	Tổng số TC	Phân bố TC	
				LT	TH
1	POL 1001	Triết học Mác - Lê Nin	3.0	3.0	0.0
2	POL 2002	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2.0	2.0	0.0
3	POL 2003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.0	2.0	0.0
4	POL 3004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.0	2.0	0.0
5	POL 3005	Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam	2.0	2.0	0.0
		Ngoại ngữ	8.0	8.0	0.0
6	ENG 1001	Tiếng Anh 1	2.0	2.0	0.0
	ENG 1002	Tiếng Anh 2	2.0	2.0	0.0
	ENG 2003	Tiếng Anh 3	2.0	2.0	0.0
	ENG 2004	Tiếng Anh 4	2.0	2.0	0.0
7	INT 1001	Tin học đại cương	2.0	1.0	1.0
8	SOC 1001	Nhà nước và Pháp luật	2.0	2.0	0.0
		Giáo dục thể chất *	4.0	1.0	3.0
9	GDTC 1001	Giáo dục thể chất 1	2.0	1.0	1.0
	GDTC 2002	Giáo dục thể chất 2	1.0	0.0	1.0
	GDTC 2003	Giáo dục thể chất 3	1.0	0.0	1.0
10	GDQP 1001	GDQP và Y học quân sự *	7.0	0.0	7.0
Tổng cộng			34.0	22.0	11.0

5.2.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

5.2.2.1. Kiến thức cơ sở khối ngành

TT	Mã học phần	Tên học phần/môn học	Tổng số TC	Phân bố TC	
				LT	TH
1	PHAR 1001	Vật lý 1	3.0	2.0	1.0

TT	Mã học phần	Tên học phần/môn học	Tổng số TC	Phân bố TC	
				LT	TH
2	CHEM 1002	Hóa đại cương – vô cơ	4.0	3.0	1.0
3	BIOL 1001	Sinh học	3.0	2.5	0.5
4	INT 1004	Tin học ứng dụng	1.0	0.0	1.0
5	MATH 1002	Toán thống kê Y dược	3.0	2.5	0.5
6	SOC 2009	Truyền thông GDSK	1.0	1.0	0.0
7	SOC 2010	Tâm lý y học – Kỹ năng giao tiếp	2.0	2.0	0.0
Tổng cộng			17.0	13.0	4.0

5.2.2.2. Kiến thức cơ sở ngành

TT	Mã học phần	Tên học phần/môn học	Tổng số TC	Phân bố TC	
				LT	TH
1	PHAR 1002	Vật lý 2	2.0	1.0	1.0
2	PHAR 1003	Hóa học hữu cơ 1	2.0	1.5	0.5
3	PHAR 2004	Hóa học hữu cơ 2	2.0	1.5	0.5
4	MEDI 2013	Sinh lý	3.0	2.5	0.5
5	PHAR 2004	Giải phẫu	2.0	1.5	0.5
6	PHAR 2005	Hóa sinh 1	2.0	2.0	0.0
7	PHAR 3007	Hóa sinh 2	2.0	1.5	0.5
8	PHAR 2006	Hóa phân tích 1	2.0	1.5	0.5
9	MEDI 2015	Sinh lý bệnh miễn dịch	3.0	2.5	0.5
10	MEDI 2016	Vi sinh	2.0	1.5	0.5
11	MEDI 2017	Ký sinh trùng	2.0	1.5	0.5
12	PHAR 3008	Hóa phân tích 2	3.0	2.5	0.5
Tổng cộng			27.0	21.0	6.0

5.2.2.3. Kiến thức ngành

TT	Mã học phần	Tên học phần/môn học	Tổng số TC	Phân bố TC	
				LT	TH
1	PHAR 2101	Thực vật dược	3.0	2.0	1.0
2	PHAR 3102	Hóa lý dược	2.0	1.5	0.5
3	PHAR 3103	Bệnh học	4.0	3.0	1.0
4	PHAR 3104	Dược động học	2.0	2.0	0.0

			TỔNG SỐ TC	PHÂN BỐ TC	
				LT	TH
5	PHAR 3105	Hóa dược 1	2.0	1.5	0.5
6	PHAR 3106	Hóa dược 2	2.0	1.5	0.5
7	PHAR 3107	Dược liệu 1	2.0	1.5	0.5
8	PHAR 4113	Dược liệu 2	2.0	1.5	0.5
9	PHAR 5126	Dược liệu 3	2.0	2.0	0.0
10	PHAR 3109	Dược lý 1	2.0	1.5	0.5
11	PHAR 4114	Dược lý 2	3.0	2.0	1.0
12	PHAR 3110	Độc chất học	2.0	1.0	1.0
13	PHAR 3111	Quản lý và kinh tế dược	3.0	2.0	1.0
14	PHAR 3112	PP Nghiên cứu khoa học	1.0	1.0	0.0
15	PHAR 4115	Bào chế 1	3.0	2.0	1.0
16	PHAR 4116	Bào chế 2	3.0	2.0	1.0
17	PHAR 4117	Pháp chế dược 1	2.0	1.5	0.5
18	PHAR 5127	Pháp chế dược 2	1.0	1.0	0
19	PHAR 4118	Dược học cổ truyền 1	3.0	2.5	0.5
20	PHAR 5128	Dược học cổ truyền 2	1.0	0.5	0.5
21	PHAR 4119	Dược lâm sàng 1	2.0	1.5	0.5
22	PHAR 4120	Dược lâm sàng 2	2.0	1.5	0.5
23	PHAR 4121	Kiểm nghiệm thuốc	2.0	1.5	0.5
24	PHAR 4122	Phương pháp nghiên cứu Dược lý	2.0	2.0	0.0
25	PHAR 4123	Tài nguyên cây thuốc	1.0	1.0	0.0
26	PHAR 4124	Dịch tễ dược học	2.0	2.0	0.0
27	TRAD 4121	Y lý YHCT	2.0	2.0	0.0
28	PHAR 4125	Hóa trị liệu	2.0	1.5	0.5
29	PHAR 5129	Sản xuất thuốc	3.0	3.0	0.0
30	PHAR 5130	Thực hành tốt nhà thuốc	1.0	1.0	0.0
31	PHAR 5131	Sử dụng thuốc trong điều trị 1	3.0	2.0	1.0
32	PHAR 5132	Sử dụng thuốc trong điều trị 2	3.0	2.0	1.0
33	PHAR 5133	Chăm sóc dược	1.0	1.0	0.0
34	PHAR 5134	Thực tập nghề nghiệp	3.0	0.0	3.0

TT	Mã học phần	Tên học phần/môn học	Tổng số TC	Phân bố TC	
				LT	TH
35	PHAR 5135	Học phần chuyên môn tổng hợp	10.0	10.0	0.0
Hoặc	PHAR 5136	Khóa luận	10.0	10.0	0.0
Tổng cộng			84	65.5	18.5

5.3. Kế hoạch đào tạo theo từng năm

5.3.1. Năm thứ nhất

TT	Tên môn học	TC	Số TC		Bộ phận phụ trách
			LT	TH	
1	Triết học Mac-Lenin	3.0	3.0	0.0	Bộ môn Lý luận chính trị
2	Tiếng Anh 1	2.0	2.0	0.0	Bộ môn Ngoại ngữ
3	Tin học đại cương	2.0	1.0	1.0	Bộ môn Toán – Tin học
4	Vật lý 1	3.0	2.0	1.0	Bộ môn Y Vật lý
5	Hoá đại cương – vô cơ	4.0	3.0	1.0	Bộ môn Hóa học
6	Sinh học	3.0	2.5	0.5	Bộ môn Sinh học và di truyền
7	Kinh tế chính trị Mac - Lenin	2.0	2.0	0.0	Bộ môn Lý luận chính trị
8	Tiếng Anh 2	2.0	2.0	0.0	Bộ môn Ngoại ngữ
9	Vật lý 2	2.0	1.0	1.0	Bộ môn Y Vật lý
10	Hoá học hữu cơ 1	2.0	1.5	0.5	Bộ môn Hóa học
11	Giáo dục thể chất 1	1.5	0.5	1.0	Bộ môn Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng
12	Giáo dục quốc phòng an ninh	7.0	0.0	7.0	Bộ môn Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng
13	Tin học ứng dụng	1.0	0.0	1.0	Bộ môn Toán - Tin học
14	Toán thống kê Y dược	3.0	2.5	0.5	Bộ môn Toán - Tin học
Tổng cộng		29.0	22.5	6.5	

Ghi chú: Không tính phần nội dung Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng an ninh

5.3.2. Năm thứ hai

TT	Tên môn học	TC	Số TC	Bộ phận phụ trách
----	-------------	----	-------	-------------------

1	Tiếng Anh 3	2.0	2.0	0.0	Bộ môn Ngoại ngữ
2	Hóa học hữu cơ 2	2.0	1.5	0.5	Bộ môn Hóa học
3	Sinh lý	3.0	2.5	0.5	Bộ môn Sinh lý
4	Giải phẫu	2.0	2.0	0.0	Bộ môn Giải phẫu
5	Thực vật dược	3.0	2.0	1.0	Bộ môn Thực vật – Dược liệu
6	Giáo dục thể chất 2	1.0	0.0	1.0	Bộ môn Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng
7	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.0	2.0	0.0	Bộ môn Lý luận chính trị
8	Tiếng Anh 4	2.0	2.0	0.0	Bộ môn Ngoại ngữ
9	Hóa sinh 1	2.0	2.0	0.0	Bộ môn Hóa sinh
10	Hoá phân tích 1	2.0	1.5	0.5	Bộ môn Hóa học
11	Sinh lý bệnh miễn dịch	3.0	2.5	0.5	Bộ môn Sinh lý bệnh-Miễn dịch
12	Vi sinh	2.0	1.5	0.5	Bộ môn Vi sinh-Ký sinh trùng
13	Ký sinh trùng	2.0	1.5	0.5	Bộ môn Vi sinh-Ký sinh trùng
14	Truyền thông GDSK	1.0	1.0	0.0	Bộ môn Y tế công cộng
15	Giáo dục thể chất 3	1.5	0.5	1.0	Bộ môn Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng
16	Nhà nước pháp luật	2.0	2.0	0.0	Bộ môn Y tế công cộng
17	Tâm lý y học-Kỹ năng giao tiếp	2.0	2.0	0.0	Bộ môn Y tế công cộng
Tổng cộng		32.0	28.0	4.0	
<i>Ghi chú: Không tính phần nội dung Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng an ninh</i>					

5.3.3. Năm thứ ba

TT	Tên môn học	TC	Số TC		Bộ phận phụ trách
			LT	TH	
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.0	2.0	0.0	Bộ môn Lý luận chính trị
2	Hoá sinh 2	2.0	1.5	0.5	Bộ môn Hóa sinh
3	Hoá lý dược	2.0	1.5	0.5	Bộ môn Hóa học

	Tên môn học	TC	LT	TH	Bộ môn phụ trách
5	Bệnh học	4.0	3.0	1.0	Bộ môn Nội
6	Dược động học	2.0	2.0	0.0	Bộ môn Dược lâm sàng
7	Hoá dược 1	2.0	1.5	0.5	Bộ môn Hóa dược
8	Dược liệu 1	2.0	1.5	0.5	Bộ môn Thực vật – Dược liệu
9	Dược lý 1	2.0	1.5	0.5	Bộ môn Dược lý
10	Độc chất học	2.0	1.0	1.0	Bộ môn Kiểm nghiệm thuốc và Độc chất
11	Quản lý và kinh tế dược	3.0	2.0	1.0	Bộ môn Quản lý và Kinh tế dược
12	Hoá dược 2	2.0	1.5	0.5	Bộ môn Hoá dược
13	PP nghiên cứu khoa học	1.0	1.0	0.0	Bộ môn Quản lý và Kinh tế dược
14	Lịch sử Đảng CSVN	2.0	2.0	0.0	Bộ môn Lý luận chính trị
Tổng cộng		32.0	25.5	6.5	

5.3.4. Năm thứ tư

TT	Tên môn học	TC	Số TC		Bộ phận phụ trách
			LT	TH	
1	Bào chế 1	3.0	2.0	1.0	Bộ môn Bào chế - CND
2	Dược liệu 2	2.0	1.5	0.5	Bộ môn Thực vật – Dược liệu
3	Dược lý 2	3.0	2.0	1.0	Bộ môn Dược lý
4	Pháp chế dược 1	2.0	1.5	0.5	Bộ môn Quản lý và Kinh tế dược
5	Dược lâm sàng 1	2.0	1.5	0.5	Bộ môn Dược lâm sàng
6	Dược học cổ truyền 1	3.0	2.5	0.5	Bộ môn Dược cổ truyền
7	Dược lâm sàng 2	2.0	1.5	0.5	Bộ môn Dược lâm sàng
8	Kiểm nghiệm thuốc	2.0	1.5	0.5	Bộ môn Kiểm nghiệm thuốc và Độc chất
9	Bào chế 2	3.0	2.0	1.0	Bộ môn Bào chế - CND
10	Phương pháp nghiên cứu Dược lý	2.0	2.0	0.0	Bộ môn Dược lý

Học phần	Số tín chỉ (TĐC)										
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Kinh tế chính trị Mác - Lênin	3										
Chủ nghĩa xã hội khoa học	3										
Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3										
Tư tưởng Hồ Chí Minh	3										
Nhà nước và Pháp luật	3					3					
Tiếng Anh 1										3	
Tiếng Anh 2										3	
Tiếng Anh 3										3	
Tiếng Anh 4										3	
Toán thống kê Y học		2									
Tin học đại cương		3								3	
Tin học ứng dụng		3								3	
Sinh học		2									
Vật lý 1		2									
Vật lý 2		2									
Truyền thông GDSK			3								
Tâm ý Y học – Kỹ năng giao tiếp			3						2		
Hóa đại cương vô cơ		2									
Hóa hữu cơ 1		2									
Hóa hữu cơ 2		2									
Hóa phân tích 1		2						2			
Hóa Phân tích 2		2						2			
Hóa lý dược		2									
Vi sinh		3									
Ký sinh trùng		3									
Sinh lý		2									
Sinh lý bệnh miễn dịch		2									
Hóa sinh 1		3									
Hóa sinh 2		3									
Giải phẫu		2									
Thực vật dược		3									
Bệnh học		3									
Dược động học			3				3				
Hóa dược 1			3	3							
Hóa dược 2			3	3							
Dược liệu 1			3	3							
Dược liệu 2			3	3							
Dược liệu 3			3	3							
Dược lý 1			3				3				
Dược lý 2			3				3				
Độc chất học			3	3				3			

Học phân											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Quản lý và kinh tế dược	2		3			3	2		3		3
Phương pháp nghiên cứu khoa học			3					2		3	
Bào chế 1			3	3	3						
Bào chế 2			3	3	3						
Pháp chế dược 1	3					3	2	2			
Dược học cổ truyền 1			3	3				2			
Dược học cổ truyền 2			3	3							
Dược lâm sàng 1			3				3				
Dược lâm sàng 2			3				3				
Kiểm nghiệm thuốc			3		3			3			
Phương pháp nghiên cứu Dược lý			3							2	
Tài nguyên cây thuốc			3	2							
Dịch tễ dược học	1		3							3	
Y lý YHCT			3								
Hóa trị liệu			3	3			3				
Sản xuất thuốc			3	3	3			2			3
Thực hành tốt nhà thuốc			3	3	2				3		
Sử dụng thuốc trong điều trị 1			3				3				3
Sử dụng thuốc trong điều trị 2			3				3				3
Chăm sóc dược			3				2				3
Pháp chế dược 2	3		3			2		2			
Thực tập nghề nghiệp				2	2	2	2	2	2	2	
Học phân chuyên môn tổng hợp			3	3	3	3	3	3			
Khóa luận tốt nghiệp			3	3	3	3	3	3	3	3	3

Chú thích: 3: đáp ứng cao; 2: đáp ứng trung bình; 1: đáp ứng thấp

5.5. Mô tả từng học phân theo khối kiến thức ngành

TÊN HỌC PHẦN	MÔ TẢ HỌC PHẦN
5.5.1. Khối giáo dục đại cương	
Triết học Mác - Lênin	Triết học Mác - Lênin là môn học trang bị cho người học thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật làm nền tảng lý luận cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung các môn học khác, nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác - Lênin. Giúp người học có khả năng vận dụng một cách sáng tạo, khoa học, biện chứng triết học Mác - Lênin trong hoạt động nhận thức, hoạt động thực tiễn cũng như trong sự nghiệp đổi mới đất nước và quá trình tu dưỡng bản thân. Đồng thời giúp người học có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu môn tư tưởng Hồ Chí Minh và môn Đường lối cách mạng của ĐCS

	Việt Nam. Từ đó, người học có niềm tin vào chủ nghĩa Mác - Lênin và con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.
Kinh tế chính trị Mác - Lênin	<p>Trang bị cho người học những tri thức về kinh tế thị trường, giúp người học nhận diện được bản chất các hiện tượng kinh tế, các quan hệ lợi ích kinh tế và các quy luật kinh tế; từ đó giúp người học hình thành tư duy kinh tế, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước .</p> <p>Kinh tế chính trị Mác – Lênin cung cấp các luận cứ khoa học, làm cơ sở cho sự hình thành đường lối, chiến lược phát triển kinh tế, xã hội và các chính sách, biện pháp kinh tế cụ thể phù hợp với yêu cầu của các quy luật khách quan và điều kiện cụ thể của đất nước ở từng thời kỳ nhất định.; Góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin và giúp sinh viên hiểu đường lối, chủ trương và chính sách phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam</p>
Chủ nghĩa xã hội khoa học	CNXHKH là môn học trang bị cho người học những nhận thức chính trị - xã hội và phương pháp luận về quá trình tất yếu lịch sử dẫn đến sự hình thành, phát triển hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa; Giúp người học đề cao cảnh giác và đấu tranh chống lại những nhận thức sai lệch, những tuyên truyền chống phá của chủ nghĩa đế quốc, bọn phản động đối với Đảng, Nhà nước và chế độ ta; Từ đó góp phần quan trọng trong việc giáo dục niềm tin khoa học cho nhân dân vào mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam.
Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Học phần trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; những kiến thức cơ bản, cốt lõi, có hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920 - 1930), về quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ năm 1930 cho đến nay, từ đó, khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo trong thực tiễn cách mạng. Từ đó, nâng cao nhận thức niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc.
Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh những kiến thức cơ bản, cốt lõi, có hệ thống về quá trình ra đời và phát triển của Tư tưởng Hồ chí Minh .

	<p>Từ đó, nâng cao nhận thức niềm tin đối với Đảng và Bác Hồ kính yêu cũng như khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc.</p>
Giáo dục thể chất	<p>- AEROBIC là hệ thống các kỹ thuật và bài tập được chọn lọc có hệ thống và khoa học, được du nhập vào Việt nam từ đầu những năm 80 của thế kỷ trước và phát triển rộng khắp trên mọi miền Tổ quốc và ở hầu khắp các cấp học của hệ thống giáo dục. Nhằm mục đích hoàn thiện và phát triển toàn diện cơ thể.</p> <p>- Môn võ Taekwondo hiện nay là môn thể dục thể thao rất được ưa chuộng ở Việt Nam và trên thế giới. Nó là hệ thống các kỹ thuật và bài tập được chọn lọc có hệ thống và khoa học nhằm mục đích giúp người học phát triển và hoàn thiện các tổ chất của cơ thể.</p>
Tiếng Anh 1 và Tiếng Anh 2	<p>Học phần Tiếng Anh Cơ Bản giúp sinh viên hình thành và phát triển năng lực giao tiếp thông qua rèn luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết và các kiến thức ngôn ngữ (Ngữ âm, Từ vựng, Ngữ pháp). Các kỹ năng giao tiếp và kiến thức ngôn ngữ được xây dựng trên cơ sở các đơn vị năng lực giao tiếp cụ thể, thông qua các chủ điểm và chủ đề bài học phù hợp với nhu cầu và khả năng của người học, nhằm giúp sinh viên đạt được các yêu cầu năng lực ngoại ngữ bậc 3, được quy định trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ban hành ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo), theo đó, giúp sinh viên có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí, v.v...; có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó; có thể viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm; có thể mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích ý kiến và kế hoạch của mình .</p> <p>Đồng thời, thông qua học phần Tiếng Anh Cơ Bản giúp sinh viên xây dựng và phát triển năng lực tự định hướng học tiếng Anh của mình để khi kết thúc học phần, sinh viên có kiến thức chung về ngôn ngữ, những thành phần cấu thành ngôn ngữ, năng lực ngôn ngữ cũng như những yếu tố quyết định và tác động đến ngôn ngữ và sử dụng ngôn ngữ, từ đó sinh viên có thể tiếp tục nghiên cứu về ngôn ngữ, và có định hướng trong việc học ngôn ngữ tùy theo mục đích hướng tới của sinh viên trong nghiên cứu và sử dụng ngôn ngữ.</p>
Tiếng Anh 3 và Tiếng Anh 4	<p>Học phần Tiếng Anh Chuyên Ngành là học phần bắt buộc tiếp theo (sau học phần Tiếng Anh cơ bản) của chương trình đào tạo Tiếng Anh không chuyên dành cho sinh viên của Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam. Học phần này được thực hiện trong 4 tín chỉ,</p>

	<p>tương đương 60 tiết lên lớp, nhằm cung cấp kiến thức từ vựng và các kỹ năng giao tiếp tiếng Anh: Nghe, Nói, Đọc, Viết trong môi trường chuyên ngành dược, đạt mức độ tương đương trung cấp (intermediate).</p> <p>Học phần Tiếng Anh Chuyên Ngành Dược được xây dựng với 6 bài giảng nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức tiếng Anh học thuật về chuyên ngành Dược, giúp cho sinh viên có được những kỹ năng ngôn ngữ và vốn từ vựng chuyên ngành cần thiết để có thể vận dụng một cách chính xác vào học tập và các tình huống hàng ngày trong môi trường làm việc, có khả năng đọc hiểu các tài liệu xác thực thuộc chuyên ngành bằng tiếng Anh, nghe hiểu được các cuộc thảo luận, báo cáo và bài giảng chuyên ngành bằng tiếng Anh; có kỹ năng phân tích để hoàn thành một bài báo cáo và một bài thuyết trình sử dụng tiếng Anh trong lĩnh vực chuyên ngành để giải quyết một vấn đề mà sinh viên quan tâm; có khả năng trình bày các kết quả trong một báo cáo và một bài thuyết trình; có khả năng thích nghi trong môi trường làm việc nhóm, có khả năng ứng biến tốt trong các tình huống thuyết trình.</p> <p>Đồng thời, thông qua học phần Tiếng Anh Chuyên Ngành giúp sinh viên nhận thức tầm quan trọng của việc học và ứng dụng tiếng Anh trong chuyên ngành để chủ động nghiên cứu và nâng cao khả năng tự học tiếng Anh, phục vụ cho công việc chuyên môn.</p>
Tin học đại cương	<p>Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức đại cương về tin học, đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành. Cụ thể học phần cung cấp một số kiến thức, kỹ năng cơ bản và thiết thực về Công nghệ thông tin: kiến thức chung về công nghệ thông tin; mạng LAN và Internet; hệ điều hành Windows; các phần mềm ứng dụng cho văn phòng Microsoft office: phần mềm soạn thảo văn bản Microsoft Word, phần mềm bảng tính điện tử Microsoft Excel, phần mềm trình chiếu Microsoft Power Point.</p>
Nhà nước và Pháp luật	<p>Học phần Nhà nước và pháp luật nghiên cứu các khái niệm cơ bản, các phạm trù chung nhất về Nhà nước và pháp luật dưới góc độ của khoa học pháp lý. Trên cơ sở đó nội dung của môn học nhằm phân tích cấu trúc của bộ máy nhà nước, chức năng và thẩm quyền của các cơ quan nhà nước trong bộ máy Nhà nước Việt Nam. Giới thiệu nội dung số ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam : Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật Cán bộ, công chức viên chức; Luật Hình sự và Luật Dân sự, Luật Lao động. Luật giáo dục; Luật Phòng chống tham nhũng, Luật Dược, Luật Giáo dục, Luật bảo hiểm y tế, luật khám bệnh chữa bệnh... để từ đó người học có</p>

	thể dễ dàng tiếp cận với các ngành luật khác phát sinh từ các ngành luật chủ yếu này
5.5.2. Khối kiến thức cơ sở của khối ngành	
Toán thống kê Y dược	Trang bị các kiến thức Toán phục vụ cho thống kê Y dược. Khái niệm cơ bản về xác suất thống kê, đặc trưng của thống kê mô tả, mẫu và phân bố mẫu, ước lượng điểm và ước lượng khoảng, kiểm định giả thuyết, so sánh các mẫu quan sát và xử lý số liệu thống kê trong các nghiên cứu về y dược.
Tin học ứng dụng	Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về Tin học ứng dụng vào chuyên ngành dược. Cụ thể học phần sẽ cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng cơ bản về tìm kiếm thông tin y tế trực tuyến trên Google, các Website uy tín của Việt Nam và nước ngoài, khai thác 1 số tính năng chuyên sâu của Google như trao đổi thông tin online thông qua google doc, google sheet, google slide, google form..., áp dụng phần mềm quản lý trích dẫn tài liệu tham khảo Endnote để giúp tự động hóa việc trích dẫn, lập danh mục quản lý và chèn tài liệu tham khảo vào đề tài nghiên cứu khoa học, luận văn. Ứng dụng Google Drive, trong đó có Google form để tạo ra mối liên kết dữ liệu từ Excel đến SPSS. Sử dụng thành thạo phần mềm SPSS nhằm mục đích quản lý, phân tích, xử lý thống kê dữ liệu trong nghiên cứu y dược học.
Sinh học	Học phần sinh học đại cương trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng thực hành cơ bản nhất của sinh học ứng dụng trong Dược học, tạo cơ sở để sinh viên học tiếp các môn học cơ sở. Một ngành khoa học chỉ có sức sống khi biết vận dụng các kiến thức vào thực tiễn để nâng cao trình độ hơn, tác dụng tốt hơn. Học phần Sinh học đại cương cung cấp những nguyên lý cơ bản nhất của sinh học gồm 4 chương đó là chương I. Tế bào, chương II. Sự trao đổi chất và năng lượng, chương III. Di truyền và biến dị, chương IV. Nguồn gốc sự sống và đa dạng sinh học. Mỗi chương đều có mục tiêu và câu hỏi lượng giá để sinh viên tập trung vào những nội dung cơ bản nhất Phần thực hành giúp sinh viên Sử dụng được kính hiển vi quan sát một số loại tế bào: máu, noron thần kinh tủy sống, noron thần kinh tiểu não, tinh hoàn... Làm được các tiêu bản: tế bào biểu bì hành, tế bào biểu bì cà chua, tinh thể oxalat calci trong vỏ củ hành khô, tinh bột khoai tây, trao đổi chất qua màng tế bào, hạt phấn hoa... Phân loại được một số động vật liên quan đến Y Dược học.
Vật lý 1	Học phần Vật lý 1 bao gồm những nội dung kiến thức sau đây: Cơ học chất điểm; Các định luật Newton; Cơ học hệ chất điểm; Công

	<p>và năng lượng; Thuyết tương đối của Einstein; Động lực học chất khí và chất lỏng; Phương trình cơ bản thuyết động lực học chất khí; Giới thiệu về nguyên lý thứ nhất nhiệt động lực học, nguyên lý thứ hai nhiệt động lực học và ứng dụng cho hệ thống sống; Chu trình Carnot; Tĩnh điện và các định luật cơ bản về dòng điện. Các hiện tượng điện xảy ra trên cơ thể sinh vật.</p> <p>Học phần Thí nghiệm Vật lý 1 cung cấp cho sinh viên những kiến thức thực tế về những vấn đề cơ bản của học phần Vật lý 1.</p>
Hóa đại cương vô cơ	<p>Lý thuyết: Học phần tập trung vào những định luật cơ bản của hoá học, các nguyên lý nhiệt động hoá học, cấu tạo chất, phản ứng hoá học, dung dịch, điện hoá và các hệ keo. Trình bày được cách phân loại, tính chất, độc tính và ứng dụng của các nguyên tố và hợp chất vô cơ được quan tâm trong chuyên ngành Y – Dược.</p> <p>Thực hành: Thực hiện được các kỹ thuật cơ bản từ đó có các kỹ năng cơ bản để học các môn chuyên sâu của ngành dược .</p>
Truyền thông GDSK	<p>Mỗi bài trong phần này sẽ tập trung đi sâu vào phân tích từng khía cạnh của Y học gia đình như các nguyên lý trong thực hành y học gia đình . Sử dụng một số công cụ trong đánh giá gia đình, quản lý được các bệnh không lây nhiễm tại cộng đồng cũng như khám sàng lọc và tư vấn cho bệnh nhân ngoại trú . Đặc biệt biết cách chăm sóc sức khỏe theo vòng đời dựa vào các nguyên lý y học gia đình để sau khi học xong học phần này sinh viên có khả năng vận dụng được các khái niệm, nguyên lý, công cụ đánh giá gia đình, quản lý bệnh mạn tính và chăm sóc sức khỏe cho người dân</p>
Tâm lý y học – Kỹ năng giao tiếp	<p>học phần sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức về đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của Tâm lý Y học . Giúp sinh viên nắm được kiến thức về tâm lý người bệnh, stress tâm lý, chẩn đoán tâm lý lâm sàng, liệu pháp tâm lý, những nội dung cơ bản về đạo đức trong y học và những kỹ năng giao tiếp cơ bản của người thầy thuốc. Từ đó vận dụng kiến thức để rèn luyện kỹ năng và thái độ giao tiếp chuẩn mực trong học tập và chăm sóc người bệnh</p>
5.5.3. Các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành	
Vật lý 2	<p>Học phần Vật lý 2 bao gồm những nội dung kiến thức sau đây: Cơ sở của quang hình học, các đại lượng trắc quang và dụng cụ quang hình; Các quy luật về giao thoa, nhiễu xạ và hấp thụ ánh sáng; Laser và vật liệu quang Laser; Tác dụng của ánh sáng lên cơ thể sống; Phóng xạ và phóng xạ sinh học; Ứng dụng một số kỹ thuật</p>

	<p>vật lý vào việc chẩn đoán bệnh bằng hình ảnh .</p> <p>Học phần Thí nghiệm Vật lý 2 cung cấp cho sinh viên những kiến thức thực tế về những vấn đề cơ bản của học phần Vật lý 2.</p>
Hóa hữu cơ 1	<p>Học phần này có 2 tín chỉ, trong đó có 1,5 tín chỉ lý thuyết và 0,5 tín chỉ thực hành, sẽ cung cấp cho người học những kiến thức về Cấu tạo của hợp chất hữu cơ; hiệu ứng điện tử trong hóa hữu cơ; đồng phân học; các phản ứng hữu cơ - phân loại phản ứng - cơ chế phản ứng; các phương pháp tinh chế và xác định cấu trúc của hợp chất hữu cơ; Các phương pháp điều chế, tính chất hóa học của các hợp chất: hydrocarbon mạch hở; hydrocarbon cyclanic và dẫn chất; hydrocarbon terpenic và dẫn chất; hydrocarbon thơm; dẫn chất halogen và dẫn chất cơ kim; dẫn chất nitro, sulfo; alcol - phenol - ether oxyd; aldehyd - ceton - quinon.</p>
Hóa hữu cơ 2	<p>Học phần này có 2 tín chỉ, trong đó có 1,5 tín chỉ lý thuyết và 0,5 tín chỉ thực hành, sẽ cung cấp cho người học những kiến thức về: Các phương pháp điều chế, tính chất hóa học của các hợp chất: acid carboxylic và dẫn chất; acid carboxylic hỗn chức; dẫn chất của acid carbonic; amin; hợp chất diazonic và azoic; các hợp chất màu; lipid; carbohydrat (glucid); aminoacid - peptid - protein; hợp chất dị vòng và các ứng dụng của các hợp chất trong ngành dược.</p>
Hóa phân tích 1	<p>Học phần này có 2 tín chỉ, trong đó có 1,5 tín chỉ lý thuyết và 0,5 tín chỉ thực hành, sẽ cũng cấp cho người học những kiến thức về:</p> <p>Lý thuyết: Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ sở của môn hoá phân tích bao gồm: các cách biểu thị nồng độ dung dịch; pH dung dịch; cân bằng hoá học, các phương pháp phân tích định lượng và phân tích khối lượng; xử lý thống kê số liệu và trình bày kết quả;</p> <p>Thực hành: Sinh viên sẽ được thực hiện các phương pháp phân tích gồm có phương pháp phân tích định lượng (acid - base, tạo phức chất, oxi hoá khử, kết tủa) và phân tích khối lượng.</p>
Hóa Phân tích 2	<p>Học phần này có 3 tín chỉ, trong đó có 2,5 tín chỉ lý thuyết và 0,5 tín chỉ thực hành, sẽ cũng cấp cho người học những kiến thức về:</p> <p>Lý thuyết: Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu của môn hoá phân tích công cụ bao gồm: các phương pháp tách (sắc ký, điện di...); các phương pháp phân tích quang học (quang phổ hấp thụ phân tử; quang phổ hấp thụ nguyên tử; quang phổ phát xạ nguyên tử; huỳnh quang phân tử và nguyên tử...); các phương pháp phân tích điện hóa (phương pháp đo thế, đo pH, chuẩn độ đo thế, ...); các phương pháp xử lý mẫu trong phân tích.</p> <p>Thực hành: Sinh viên sẽ được thực hiện phép đo pH, sắc ký giấy,</p>

	<p>định tính và định lượng một số chất bằng phương pháp quang phổ UV-VIS. Kết thúc học phần sinh viên có được vốn kiến thức và kỹ năng để học tiếp các môn chuyên ngành.</p>
	<p>Học phần này có 2 tín chỉ, trong đó có 1,5 tín chỉ lý thuyết và 0,5 tín chỉ thực hành, sẽ cung cấp cho người học những kiến thức về:</p>
Hóa lý dược	<p>Lý thuyết: Hoá lý là môn khoa học trung gian giữa hoá học và vật lý nghiên cứu mối quan hệ giữa hai dạng biến đổi hoá học và vật lý của vật chất, giữa các tính chất hoá lý với thành phần hoá học và cấu tạo của vật chất; nghiên cứu cơ chế, tốc độ của các quá trình biến đổi cũng như các yếu tố bên ngoài ảnh hưởng đến quá trình đó. Hoá lý được giới hạn trong các nội dung: các nguyên tắc hoá lý của dung dịch và cân bằng pha, động hoá học và xúc tác, điện hoá học, các hệ phân tán và các hiện tượng bề mặt, dung dịch cao phân tử. Các nội dung của Hoá lý dược là một phần kiến thức ngành cần thiết khi học tập môn Kiểm nghiệm thuốc, chiết xuất hoá thực vật cũng như các môn học thuộc chuyên ngành công nghệ Dược như sản xuất nguyên liệu làm thuốc, bào chế các dạng thuốc, nghiên cứu sinh dược học, dược động học...</p> <p>Môn học giúp sinh viên hiểu được cơ chế phân hủy của thuốc, tính toán được thời hạn sử dụng của thuốc...</p> <p>Thực hành: Thực hiện được các kỹ thuật cơ bản xác định một số đại lượng hóa lý trong động hoá học, điện hoá học, hấp phụ, dung dịch keo và cao phân tử. Từ đó có các kỹ năng cơ bản để học các môn chuyên sâu của ngành dược.</p>
	<p>Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản, cần thiết về vi sinh vật y học, nằm trong khối kiến thức nền tảng y học cơ sở, bao gồm:</p>
Vi sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Quy luật sống và phát triển của vi sinh vật gây bệnh - Mối liên quan giữa vi sinh vật gây bệnh và cơ thể người - Khả năng và cơ chế gây bệnh của vi sinh vật - Phương thức bảo vệ của cơ thể với vi sinh vật gây bệnh - Phương pháp chẩn đoán vi sinh vật - Nguyên lý phòng chống và điều trị bệnh do vi sinh vật gây nên <p>Với sự phát triển như vũ bão của khoa học công nghệ hiện nay, vi sinh vật y học góp phần quan trọng trong công tác chẩn đoán bệnh, điều trị và tạo vaccin phòng bệnh do vi sinh vật gây nên</p>
Ký sinh trùng	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hành ký sinh trùng là học phần thuộc môn học Ký sinh trùng y học và là môn y học cơ sở . - Thực hành một số kỹ thuật xét nghiệm tìm ký sinh trùng: xét nghiệm máu tìm ký sinh trùng sốt rét, nhuộm tiêu bản máu, xét nghiệm phân tìm ký sinh trùng đường ruột. Các bài nhận biết về hình thể ký sinh trùng: Hình thể giun sán trưởng thành, trứng giun sán, đơn bào, vi nấm, tiết túc, ký sinh trùng sốt rét.

Sinh lý	Sinh lý học là môn học cơ sở rất quan trọng của Y học. Những kiến thức về Sinh lý học trực tiếp phục vụ cho các môn bệnh học và là cơ sở để giải thích và phát hiện các rối loạn chức năng trong tình trạng bệnh lý. Mỗi phương pháp chẩn đoán, điều trị hay phòng bệnh đều phải được đặt trên cơ sở kiến thức sinh lý học.
Sinh lý bệnh miễn dịch	Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về chức năng, hoạt động của các cơ quan, hệ thống cơ quan và điều hòa chức năng trong mối liên hệ thống nhất giữa chúng với nhau, giữa cơ thể và môi trường. Vận dụng những kiến thức cơ bản Sinh lý bệnh Miễn dịch để giải thích một số rối loạn chức năng và ứng dụng vào học tập các môn liên quan lâm sàng.
Hóa sinh 1	Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về những thành phần, cấu tạo, vai trò, các yếu tố ảnh hưởng đến cấu tạo và chức năng từ đó ứng dụng được các kiến thức hóa sinh để biện luận các kết quả lâm sàng trong điều trị bệnh
Hoá sinh 2	Hoá sinh học là hoá học của sự sống bao gồm các kiến thức cơ bản về các chất sinh hóa trong cơ thể và chuyển hóa của chúng; chức năng, hoạt động sinh hóa của một số cơ quan, hệ thống cơ quan và điều hòa chức năng trong mối liên hệ thống nhất giữa chúng với nhau, giữa cơ thể và môi trường. Vận dụng những kiến thức cơ bản hóa sinh để giải thích một số rối loạn chức năng, Nhận định được kết quả một số xét nghiệm cơ bản và thăm dò chức năng thường sử dụng trên lâm sàng và liên hệ với thực tế và ứng dụng các kiến thức đã học để lý giải các hiện tượng gặp trên lâm sàng.
	Giải phẫu học người là ngành khoa học nghiên cứu cấu trúc cơ thể con người, là môn cơ sở của các môn cơ sở cũng như các môn lâm sàng của y học, dược học. Học phần này sẽ trang bị cho sinh viên khối lượng lớn kiến thức về đại cương môn học, vị trí đặc điểm của các cơ quan, bộ phận trên cơ thể người bình thường, nhằm giúp cho người học hiểu được chức năng của từng cơ quan trong cơ thể.
Giải phẫu	Người học có kiến thức chuyên về giải phẫu, sẽ làm nền tảng phục vụ cho các môn học cơ sở cũng như lâm sàng; giúp người học hoàn thiện kiến thức tổng thể tiến tới để áp dụng khi có biểu hiện tổn thương thành phần của các cơ quan để hình thành thái độ của sinh viên trong quá trình học kiến thức. Các bài giảng sẽ được thuyết trình và thảo luận trên lớp. Trong thời gian học tập học phần này sinh viên sẽ phải làm bài kiểm tra trắc nghiệm lý thuyết và chạy trạm trên mô hình vào tuần cuối.
Thực vật dược	Học phần Thực vật dược dành cho đối tượng Dược sĩ đại học là học phần quan trọng trong chương trình đào tạo Dược sĩ đại học, giữ vai trò then chốt trong việc cung cấp cho người học các nội dung về hình thái học thực vật, giúp người học có thể nhận biết và mô tả được các đặc điểm hình thái giải phẫu của các cơ quan sinh dưỡng

	<p>và sinh sản của thực vật, là cơ sở giúp cho việc mô tả, giám định tên khoa học của cây thuốc và kiểm nghiệm dược liệu; các tri thức tổng quát về sinh giới nói chung và hệ thống phân loại thực vật nói riêng, nhận biết được khoảng 130 họ có nhiều cây được sử dụng làm thuốc, trong đó có khoảng 50 họ có nhiều loài được sử dụng phổ biến trong ngành Dược ở Việt Nam; các khái niệm cơ bản về tài nguyên cây thuốc.</p> <p>Từ đó người học có thể nhận biết, phân loại được các cây thuốc góp phần kiểm nghiệm được các dược liệu và thực hiện tư vấn và hướng dẫn sử dụng dược liệu, các thuốc nguồn gốc dược liệu an toàn, hiệu quả, hợp lý.</p>
Bệnh học	<p>Trang bị tập trung chủ yếu về cách phát hiện các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, các tiêu chuẩn chẩn đoán và đề xuất được hướng điều trị các bệnh thường gặp. Trong phần thực hành, sẽ tiến hành phân tích từng ca bệnh cụ thể tại bệnh viện thảo luận về lâm sàng, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán và đề xuất hướng điều trị.</p>
Dược động học	<p>Dược động học là môn học nghiên cứu về số phận của thuốc trong cơ thể nghĩa là tác động của cơ thể đến các quá trình hấp thu, phân bố, chuyển hóa và thải trừ thuốc. Đây là những kiến thức cơ bản để sử dụng thuốc theo cá thể. Học phần Dược động học gồm các khối kiến thức chính sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dược động học cơ bản: Vận chuyển thuốc qua màng tế bào Các quá trình hấp thu - phân bố - chuyển hóa – thải trừ thuốc Định nghĩa và công thức tính 4 thông số cơ bản: F, Vd, Cl và $T_{1/2}$ đặc trưng cho mỗi giai đoạn trong chu trình tuần hoàn của thuốc trong cơ thể . - Dược động học lâm sàng: Những khác biệt về dược động học trong quá trình hấp thu - phân bố - chuyển hóa – thải trừ thuốc ở trẻ em, người cao tuổi, phụ nữ có thai so với người trưởng thành khỏe mạnh và những lưu ý liên quan đến sự khác biệt này trong điều trị . Sự biến đổi 4 thông số dược động học cơ bản (AUC, Vd, Cl và $T_{1/2}$) ở bệnh nhân suy gan, thận . Các nguyên tắc lựa chọn thuốc và hiệu chỉnh liều cho bệnh nhân suy gan – thận.
Hóa dược 1	<p><i>Lý thuyết:</i></p> <p>Học phần Hóa Dược 1 cung cấp kiến thức về về cấu trúc, phân loại theo cấu trúc hóa học và tác dụng, liên quan cấu trúc – tác dụng, tác dụng, chỉ định chính của từng nhóm thuốc. Với các dược chất đại diện cho từng nhóm cung cấp tên hoạt chất, công thức, điều chế, tính chất lý học, hóa học và ứng các tính chất lý đó trong pha chế, bảo quản và kiểm nghiệm nguyên liệu làm thuốc), tác dụng, chỉ định</p>

	<p>chính.</p> <p><i>Thực hành:</i> Người học sẽ thực hiện các thí nghiệm để định tính, thử tinh khiết và định lượng một số nguyên liệu dược dụng (theo Dược điển Việt Nam và một số Dược điển thông dụng khác).</p>
Hóa dược 2	<p><i>Lý thuyết:</i> Là học phần tiếp nối Hóa dược 1, tiếp tục cung cấp kiến thức cho người học các kiến thức về: đại cương và hoạt chất cụ thể của các nhóm thuốc khác.</p> <p>Phần đại cương, cung cấp kiến thức về cấu trúc, phân loại theo cấu trúc hóa học và tác dụng, liên quan cấu trúc – tác dụng, tác dụng, chỉ định chính của từng nhóm thuốc. Với các dược chất đại diện cho từng nhóm cung cấp tên hoạt chất, công thức, điều chế, tính chất lý học, hóa học và ứng các tính chất lý đó trong pha chế, bảo quản và kiểm nghiệm nguyên liệu làm thuốc), tác dụng, chỉ định chính.</p>
	<p><i>Thực hành:</i> Người học sẽ thực hiện các thí nghiệm để định tính, thử tinh khiết và định lượng một số nguyên liệu dược dụng (theo Dược điển Việt Nam và một số Dược điển thông dụng khác).</p>
Dược liệu 1	<p>Học phần Dược liệu 1 dành cho đối tượng Dược sĩ đại học là học phần quan trọng trong chương trình đào tạo Dược sĩ đại học, giữ vai trò then chốt trong việc cung cấp cho người học các nội dung về kiến thức về nguồn gốc, đặc điểm, phân bố, thành phần hóa học chính, tác dụng sinh học của các nhóm hợp chất carbohydrat, glycosid và glycosid tim, saponin, anthraglycosid, flavonoid, coumarin, tanin, monoterenoid và diterpenoid có trong dược liệu.</p> <p>Học phần cũng trang bị kiến thức về các phương pháp chiết xuất và kiểm nghiệm dược liệu (bao gồm soi bột dược liệu, vi phẫu dược liệu, xác định tạp, định tính và định lượng) các dược liệu chứa các nhóm hợp chất trên .</p> <p>Từ đó người học có thể nhận biết, phân loại, kiểm nghiệm được các dược liệu và thực hiện tư vấn, hướng dẫn sử dụng dược liệu, các thuốc nguồn gốc dược liệu an toàn, hiệu quả, hợp lý.</p>
Dược liệu 2	<p>Học phần Dược liệu 2 dành cho đối tượng Dược sĩ đại học là học phần quan trọng trong chương trình đào tạo Dược sĩ đại học, giữ vai trò then chốt trong việc cung cấp cho người học các nội dung về kiến thức về nguồn gốc, đặc điểm, phân bố, thành phần hóa học chính, tác dụng sinh học của các nhóm hợp chất tinh dầu, nhựa, chất béo, alkaloid có trong dược liệu và các động vật làm thuốc .</p> <p>Học phần cũng trang bị kiến thức về các phương pháp chiết xuất và kiểm nghiệm dược liệu (bao gồm soi bột dược liệu, vi phẫu dược liệu, xác định tạp, định tính và định lượng) các dược liệu chứa các nhóm hợp chất trên</p> <p>Từ đó người học có thể nhận biết, phân loại kiểm nghiệm được các dược liệu và thực hiện tư vấn, hướng dẫn sử dụng dược liệu, các</p>

	thuốc nguồn gốc dược liệu an toàn, hiệu quả, hợp lý.
Dược liệu 3	<p>Học phần Dược liệu 3 dành cho đối tượng Dược sĩ đại học là học phần quan trọng trong chương trình đào tạo Dược sĩ đại học, giữ vai trò trong việc cung cấp cho người học các kiến thức nâng cao, chuyên sâu về phương pháp nghiên cứu phát triển thuốc mới từ dược liệu, các phương pháp chiết xuất, phân lập, tinh chế, phân tích hợp chất hữu cơ trong nghiên cứu dược liệu hiện đại .</p> <p>Từ đó người học có thể lập kế hoạch, xây dựng quy trình nghiên cứu phát triển thuốc mới từ dược liệu, chiết xuất, phân lập, tinh chế, phân tích hợp chất hữu cơ trong nghiên cứu dược liệu hiện đại nhằm góp phần phát triển, tư vấn, hướng dẫn sử dụng dược liệu, các thuốc nguồn gốc dược liệu an toàn, hiệu quả, hợp lý.</p>
Dược lý 1	<p>Học phần Dược lý 1 cung cấp những kiến thức về dược lý học đại cương; về phân loại, đặc điểm dược động học, tác dụng, cơ chế tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, tác dụng không mong muốn (TDKMM), tương tác và liều dung của các thuốc điển hình trong nhóm thuốc như: Thuốc gây tê, gây mê, an thần - gây ngủ, thuốc chống động kinh, thuốc tác dụng trên hệ thần kinh thực vật, thuốc giảm đau trung ương, thuốc kích thích thần kinh trung ương, thuốc trị rối loạn tâm thần - điều hòa hoạt động tâm thần, thuốc kháng histamin H1, thuốc giảm đau - hạ sốt - chống viêm không steroid, thuốc trị bệnh gout. Đồng thời cung cấp kiến thức về một số tác nhân gây ngộ độc thuốc, các triệu chứng điển hình khi ngộ độc thuốc và biện pháp điều trị ngộ độc .</p> <p>Sinh viên được thực hành nhận thức thuốc, thử nghiệm tác dụng dược lý của thuốc trên động vật thực nghiệm để làm sáng tỏ thêm lý thuyết .</p> <p>Sau khi học xong, sinh viên có thể nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của việc sử dụng thuốc hợp lý, an toàn và có hiệu quả trên người bệnh; tư vấn, hướng dẫn, sử dụng hoặc theo dõi quá trình sử dụng thuốc an toàn, hợp lý và hiệu quả.</p>
Dược lý 2	<p>Học phần Dược lý 2 cung cấp các kiến thức cơ bản về dược lý học của các nhóm thuốc: Thuốc kháng sinh, thuốc chống nấm, thuốc trị lao và phong, thuốc tác dụng trên tim mạch (gồm thuốc điều trị suy tim, thuốc trị tăng huyết áp, thuốc chống đau thắt ngực), thuốc lợi tiểu, thuốc tác dụng trên quá trình đông máu và tiêu fibrin, thuốc chống thiếu máu, thuốc trị rối loạn lipid máu, thuốc trị viêm loét dạ dày - tá tràng, thuốc chống sốt rét, thuốc trị giun sán, thuốc trị ỉa chảy, thuốc trị bệnh đường hô hấp, các vitamin, các hormon và thuốc điều chỉnh rối loạn nội tiết .</p> <p>Ngoài ra, sinh viên còn được thực hành nhận thức các nhóm thuốc theo tác dụng dược lý, thực hành tác dụng của một số thuốc trên</p>

	<p>ĐVTN và phân tích được một số đơn thuốc .</p> <p>Sau khi học xong, sinh viên có thể nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của việc sử dụng thuốc hợp lý, an toàn và có hiệu quả trên người bệnh; tư vấn, hướng dẫn, sử dụng hoặc theo dõi quá trình sử dụng thuốc an toàn, hợp lý và hiệu quả.</p>
Độc chất học	<p>Học phần độc chất học bao gồm những kiến thức cơ bản về độc chất học và ảnh hưởng của các yếu tố này đến sức khỏe của con người. Các kiến thức về các quá trình động học, cơ chế gây ngộ độc và các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của chất độc.</p>
Quản lý và kinh tế dược	<p>Quản lý và Kinh tế dược là một học phần nghiệp vụ trong chương trình đào tạo dược sĩ đại. Học phần này cung cấp những kiến thức và kỹ năng về các loại hình doanh nghiệp dược trong quản trị, hình thành, tổ chức, hoạt động, đặc biệt là hoạt động kinh doanh và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, thuế và hợp đồng kinh tế của doanh nghiệp. Ngoài ra, Học phần cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản về marketing nói chung và marketing dược nói riêng, quản lý và cung ứng thuốc trong mạng lưới cung ứng thuốc quốc gia trong cơ chế kinh tế mới, khoa học quản lý kinh tế chuyên ngành dược nói riêng.</p>
Phương pháp nghiên cứu khoa học	<p>Phương pháp nghiên cứu khoa học là sự phát triển tư duy khoa học về nhận thức thế giới quan, nhân sinh quan để tìm hiểu, phân tích, giải thích về thế giới, sự việc, sự vận động một cách logic. Việc tìm hiểu, nắm vững phương pháp nghiên cứu khoa học giúp sinh viên mở rộng tư duy, dám nghĩ, dám làm khám phá cái mới, vấn đề mới. Đây là một yêu cầu lớn đối với công tác đào tạo sinh viên, nhất là trong thời đại 4.0.</p> <p>Học phần cung cấp về tìm vấn đề nghiên cứu, mục tiêu và mục đích nghiên cứu, các tài liệu phục vụ nghiên cứu, đối tượng và phương pháp nghiên cứu, phương pháp lấy mẫu, thu thập và xử lý số liệu, báo cáo kết quả áp dụng trong lĩnh vực y dược học</p>
Bào chế 1	<p>Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về kỹ thuật bào chế thuốc và sinh dược học các dạng thuốc. Chương trình lý thuyết bao gồm những kiến thức về dạng thuốc, thành phần dạng thuốc, các yếu tố ảnh hưởng đến sinh khả dụng, kỹ thuật bào chế các dạng thuốc, tiêu chuẩn chất lượng, cách đóng gói bảo quản các dạng thuốc như: dung dịch thuốc, hỗn dịch thuốc, nhũ tương thuốc, thuốc tiêm, thuốc nhỏ mắt, các dạng thuốc bào chế bằng phương pháp chiết xuất... Chương trình thực hành đề cập đến kỹ thuật bào chế các dạng thuốc với các kỹ năng thực hành cụ thể được thể hiện qua các công thức và đơn thuốc. Qua đó sinh viên có thể phân tích được đặc điểm về thành phần của một công thức thuốc cụ thể, vai trò của từng dược chất, tá dược trong công thức,</p>

	bào chế được các dạng thuốc thông thường và một số dạng thuốc mới đạt tiêu chuẩn chất lượng, hướng dẫn cách dùng và cách bảo quản các dạng thuốc đã bào chế.
Bào chế 2	Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về Kỹ thuật bào chế các dạng thuốc. Chương trình lý thuyết bao gồm những kiến thức về thành phần, kỹ thuật bào chế và sinh dược các dạng thuốc, tiêu chuẩn chất lượng, cách đóng gói bảo quản các dạng thuốc như: thuốc bột, cốm, viên nén, viên nang, thuốc mỡ, thuốc đặt, thuốc phun mù... Chương trình thực hành đề cập đến kỹ thuật bào chế các dạng thuốc với các kỹ năng thực hành cụ thể được thể hiện qua các công thức và đơn thuốc. Qua đó sinh viên có thể phân tích được đặc điểm về thành phần của một công thức thuốc cụ thể, bào chế được các dạng thuốc thông thường và một số dạng thuốc mới đạt tiêu chuẩn chất lượng, hướng dẫn cách dùng và cách bảo quản các dạng thuốc đã bào chế.
Pháp chế dược 1	- Pháp chế dược là học phần chuyên ngành dược về lĩnh vực quản trị trong lĩnh vực dược: Tổ chức quản lý, sản xuất, kinh doanh, cung ứng, phát triển và đảm bảo chất lượng thuốc và nguyên liệu làm thuốc... Đây là học phần tạo tư duy và hành lang pháp lý để giúp người học sau khi ra trường hành nghề dược theo đúng quy định của pháp luật. - Pháp chế dược là học phần không thể thiếu trong chương trình đào tạo ngành dược học - Nội dung chính yếu: + Luật Dược và Nghị định hướng dẫn luật Dược, nghị định khác về lĩnh vực dược như tổ chức thực hành tại các cơ sở khám chữa bệnh + Các thông tư do Bộ Y tế ban hành bao hàm các lĩnh vực: Thực hành tốt hành nghề dược (GPs, GACP), đăng ký thuốc, xuất nhập khẩu thuốc, quản lý dược bệnh viện, cung ứng thuốc, các danh mục thuốc và nguyên liệu làm thuốc, thông tin thuốc...
Pháp chế dược 2	Học phần Quản lý nhà nước các sản phẩm bảo vệ sức khỏe và mỹ phẩm nhằm giúp cho học viên có kiến thức về công tác quản lý hai nhóm sản phẩm này, có cách nhìn tổng quát về bức tranh toàn cảnh thực trạng quản lý, phát triển hai nhóm sản phẩm này. Xu hướng của thế giới hiện nay là sử dụng các sản phẩm bảo vệ sức khỏe và mỹ phẩm để bổ sung, điều chỉnh trong cuộc sống hàng ngày nhằm ngăn ngừa bệnh tật, lấy phòng bệnh hơn chữa bệnh. Nội dung của học phần gồm ba phần - Cơ sở lý luận và thực tiễn trên thế giới về quản lý các sản phẩm bảo vệ sức khỏe và mỹ phẩm - Thực trạng quản lý nhà nước về sản phẩm bảo vệ sức khỏe và mỹ phẩm ở Việt Nam - Xu hướng về các biện pháp quản lý nhà nước nhóm sản phẩm bảo vệ sức khỏe và mỹ phẩm ở Việt Nam
Dược học cổ truyền 1	Học phần Dược học cổ truyền dành cho đối tượng Dược sĩ đại học là học phần quan trọng trong chương trình đào tạo Dược sĩ đại học, giữ vai trò then chốt trong việc cung cấp cho người học các nội

	<p>dung về sự hình thành nền YHCTVN; một số học thuyết YHCT chính; các nguyên nhân gây bệnh và phương pháp chẩn đoán theo YHCT; bát cương, bát pháp; phép tắc trị bệnh và nội dung phương thuốc cổ truyền. Học phần cũng cung cấp cho người học các nội dung về định nghĩa thuốc YHCT, nguồn gốc, tính năng dược vật, cảm kỳ của thuốc YHCT và tính vị, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định và liều lượng các vị thuốc YHCT, các vị thuốc nam và các phương thuốc thường dùng trong cộng đồng; các phương pháp chế biến thuốc cổ truyền. Từ đó người học có thể nhận biết, phân loại được các nhóm thuốc và vị thuốc YHCT, có kỹ năng chế biến các vị thuốc, một số dạng thuốc YHCT và thực hiện tư vấn và hướng dẫn sử dụng các thuốc YHCT an toàn, hiệu quả, hợp lý.</p>
Dược cổ truyền 2	<p>Học phần Dược học cổ truyền 2 dành cho đối tượng Dược sĩ đại học là học phần quan trọng trong chương trình đào tạo Dược sĩ đại học, giữ vai trò trong việc cung cấp cho người học các nội dung về nội dung, cấu trúc, tác dụng, cách dùng các phương thuốc YHCT, các cây độc và dự báo tác dụng không mong muốn của thuốc cổ truyền; các nội dung tổng quan nghiên cứu về vị thuốc YHCT. Từ đó người học có thể tra cứu, tìm hiểu, tổng quan về vị thuốc, nhận biết, phân loại chính xác các nhóm thuốc và phương thuốc YHCT, có kỹ năng chế biến các vị thuốc, một số dạng thuốc YHCT, thực hiện tư vấn và hướng dẫn sử dụng các thuốc YHCT an toàn, hiệu quả, hợp lý.</p>
	<p>Dược lâm sàng 1 là một môn học của ngành Dược nhằm tối ưu hóa việc sử dụng thuốc trong điều trị và phòng bệnh trên cơ sở những kiến thức về Dược và Y – Sinh học. Học phần Dược lâm sàng 1 gồm các khối kiến thức chính sau:</p>
Dược lâm sàng 1	<ul style="list-style-type: none"> - Các nguyên tắc đánh giá sử dụng thuốc hợp lý - Xét nghiệm LS và nhận định kết quả - Tương tác thuốc - Phản ứng bất lợi của thuốc - Dị ứng thuốc - Thông tin thuốc
	<p>Dược lâm sàng là một môn học của ngành Dược nhằm tối ưu hóa việc sử dụng thuốc trong điều trị và phòng bệnh trên cơ sở những kiến thức về Dược và Y – Sinh học. Học phần Dược lâm sàng 2 gồm các khối kiến thức chính sau:</p>
Dược lâm sàng 2	<ul style="list-style-type: none"> - Đường đưa thuốc và cách sử dụng - Sử dụng thuốc trong điều trị cho trẻ em, người cao tuổi, phụ nữ có thai và cho con bú - Nguyên tắc sử dụng thuốc kháng sinh và kháng khuẩn - Nguyên tắc sử dụng vitamin và khoáng chất - Nguyên tắc sử dụng thuốc giảm đau

	- Nguyên tắc sử dụng thuốc nhóm glucocorticoid
Kiểm nghiệm thuốc	<p><i>Lý thuyết:</i> Học phần sẽ giới thiệu các khái niệm chung về kiểm nghiệm thuốc, mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ, nội dung của công tác kiểm nghiệm thuốc. Đồng thời học phần cũng sẽ trình bày nguyên tắc chung, cách tiến hành, phạm vi ứng dụng của các phương pháp hoá học, sinh học, một số phương pháp hoá lý thường dùng trong kiểm nghiệm thuốc, trình bày phương pháp đánh giá độ ổn định và tuổi thọ của thuốc). Giúp sinh viên biết cách kiểm nghiệm một số dạng thuốc như thuốc bột, thuốc viên nén, thuốc viên nang, thuốc tiêm, tiêm truyền, thuốc nhỏ mắt, thuốc uống dạng lỏng, thuốc mỡ, thuốc đạn, thuốc trứng .</p> <p><i>Thực hành:</i> Kiểm tra chất lượng của một số chế phẩm cụ thể (theo Dược điển Việt Nam)</p>
Phương pháp nghiên cứu Dược lý	<p>Học phần “Phương pháp nghiên cứu Dược lý” cung cấp các kiến thức cơ bản về những điều kiện cần thiết để tiến hành nghiên cứu dược lý trên thực nghiệm, bao gồm: môi trường thí nghiệm, động vật thí nghiệm, các yếu tố ảnh hưởng đến đáp ứng của cơ thể động vật đối với thuốc, thuốc gây mê dùng cho động vật, cách chăm sóc, sinh sản và quản lý ĐVTN, phương pháp sàng lọc tác dụng dược lý của thuốc từ thảo dược và phương pháp chuẩn bị mẫu dùng cho nghiên cứu dược lý, phương pháp ngoại suy liều có hiệu quả tương đương giữa người và ĐVTN, cách tính liều an toàn & liều có hiệu quả của thuốc, liều ED50.</p> <p>Đặc biệt, sinh viên còn được học phương pháp tiến hành nhiều thử nghiệm tác dụng dược lý của từng nhóm thuốc cụ thể: thử nghiệm độc tính cấp, độc tính trường diễn, độc tính tại chỗ, tác dụng hạ đường huyết, tác dụng chống tăng lipid máu & chống xơ vữa động mạch, tác dụng bảo vệ gan của thuốc, tác dụng ức chế miễn dịch và kháng histamin, tác dụng chống viêm, giảm đau, tác dụng kháng khuẩn in vitro, chống nấm, tác dụng chống Alzheimer và tác dụng chống tăng sản tuyến tiền liệt lành tính.</p> <p>Sau khi học xong, sinh viên có khả năng xác định và chuẩn bị được các điều kiện để tiến hành một thí nghiệm dược lý cụ thể, tính được liều ngoại suy có hiệu quả tương đương giữa người và động vật thí nghiệm, trình bày và giải thích được các bước của từng thí nghiệm cụ thể để thử một số độc tính và dược lý của thuốc hoặc nguyên liệu làm thuốc</p>
Tài nguyên cây thuốc	<p>Học phần Tài nguyên cây thuốc dành cho đối tượng Dược sĩ đại học là học phần quan trọng trong chương trình đào tạo Dược sĩ đại học, giữ vai trò trong việc cung cấp cho người học khái niệm, giá trị của tài nguyên cây thuốc, tài nguyên cây thuốc trên thế giới và ở Việt Nam, bảo tồn và phát triển bền vững tài nguyên cây thuốc, một số chính sách về tài nguyên cây thuốc; trồng cây thuốc</p>

	<p>và thu hái dược liệu hoang dã theo tiêu chuẩn GACP.</p> <p>Từ đó người học có thể nhận biết được tầm quan trọng của dược liệu và thuốc cổ truyền trong chăm sóc sức khỏe, góp phần bảo tồn và phát triển dược liệu, thuốc cổ truyền.</p>
Dịch tễ dược học	<p>Học phần Dịch tễ dược học ra đời trong lúc sự phát triển của khoa học công nghệ, sự phát triển ra các loại dược phẩm mang lại to lớn trong việc điều trị các bệnh dịch và các bệnh hiểm nghèo, cải thiện tốt hơn chăm sóc sức khỏe cho con người. Đây là môn khoa học nghiên cứu về sử dụng thuốc và hiệu quả sử dụng thuốc trong công đồng với những nội dung chính yếu sau: Những kiến thức về phương pháp luận khoa học trong nghiên cứu sức khỏe, một công cụ đặc lực và tin cậy trong việc chứng minh và xác lập các quan hệ nhân quả phục vụ sức khỏe con người; Những kỹ năng cơ bản của phương pháp nghiên cứu cung ứng sử dụng thuốc và đánh giá hiệu quả điều trị của thuốc trong cộng đồng; những kỹ năng cần thiết để thiết kế nghiên cứu đánh giá về hiệu quả của thuốc trong nghiên cứu lâm sàng. Do vậy, việc trang bị kiến thức dịch tễ dược cho sinh viên dược là rất cần thiết</p>
Y lý YHCT	<p>Học phần Y lý y học cổ truyền đối tượng Dược bao gồm: Học thuyết Âm dương, Học thuyết Ngũ hành, Học thuyết kinh lạc, Học thuyết tạng phủ; Các nguyên nhân gây bệnh theo y học cổ truyền; Các phương pháp chẩn đoán bệnh theo YHCT: Tứ chẩn, bát cương, các hội chứng bệnh, nguyên tắc điều trị YHCT và các nguyên tắc nghiên cứu kế thừa Y Dược cổ truyền. Sau khi học xong: sinh viên có thể trình bày được nội dung và ứng dụng của các học thuyết cơ bản trong hệ thống lý luận YHCT và có khả năng ứng dụng các quy luật của các học thuyết cơ bản trong hệ thống lý luận YHCT vào công tác chẩn đoán bệnh, phòng bệnh, bào chế thuốc, điều trị. Dựa vào các quy luật cơ bản trong hệ thống lý luận YHCT để phát hiện bệnh tật, giải thích chức năng sinh lý và bệnh lý của cơ thể, giải thích ứng dụng các học thuyết trong việc phòng ngừa bệnh tật. Biết sử dụng kỹ năng khám tứ chẩn trên lâm sàng để phát hiện triệu chứng, chẩn đoán bát cương và biện chứng luận trị để đề ra các nguyên tắc, phép điều trị bệnh theo y học cổ truyền và nghiên cứu kế thừa Y Dược cổ truyền.</p>
Hóa trị liệu	<p>Học phần bao gồm kiến thức về một số nhóm hoá trị liệu (hóa trị liệu ung thư, hóa trị liệu virus) về các mặt: nguồn gốc, đặc điểm cấu tạo đặc trưng, phân loại, liên quan giữa cấu trúc – tác dụng, tính chất lý, hóa học đặc trưng, ứng dụng trong kiểm nghiệm hoạt chất và giải thích dược động học, cơ chế tác dụng. Đồng thời, cung cấp cho học viên một số thuốc điển hình trong mỗi nhóm hoá trị liệu trên.</p> <p>Học phần giúp sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về hóa trị liệu</p>

	<p>trong điều trị, đặc biệt là hóa trị liệu ung thư để sinh viên đủ kiến thức tham gia trong các cơ quan hoạt động về Dược cần như: Bệnh viện, doanh nghiệp Dược, trường học, cơ quan quản lý Dược, cơ quan kiểm nghiệm Dược, cơ quan nghiên cứu Dược,...</p>
Sản xuất thuốc	<p>Học phần Sản xuất thuốc dùng đào tạo cho đối tượng dược sỹ đại học bao gồm các nội dung cơ bản về những yêu cầu kỹ thuật công nghệ để sản xuất ra một chế phẩm thuốc trên quy mô công nghiệp. Người học sẽ được cung cấp những kiến thức về các quá trình công nghệ cơ bản và thiết bị trong bào chế công nghiệp như: kỹ thuật sản xuất thuốc bằng phương pháp tổng hợp hóa dược và chiết xuất dược liệu; kỹ thuật sản xuất thuốc bằng phương pháp sinh tổng hợp; công nghệ sản xuất các dạng thuốc. Học phần gồm 3 chương, mỗi chương được trình bày nổi bật các nội dung: mục tiêu, nội dung chuyên môn, đảm bảo 4 yêu cầu cơ bản về kiến thức, chính xác và khoa học, cập nhật tiến bộ khoa học và vận dụng thực tiễn</p>
Thực hành tốt nhà thuốc	<p>Nhà thuốc đóng vai trò quan trọng trong mạng lưới phân phối thuốc. Đây là nơi trực tiếp tiếp cận với người bệnh và trực tiếp tham gia chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người bệnh. Đó cũng là cơ sở kinh tế cá thể để phát triển dịch vụ dược có chất lượng. Để đảm bảo chất lượng dịch vụ dược thì người chủ nhà thuốc và người bán hàng cần phải có kiến thức về kỹ năng giao tiếp và kỹ năng thực hành tốt tại nhà thuốc. Học phần này sẽ cung cấp hai phần quan trọng cho người học là :Kỹ năng giao tiếp tại nhà thuốc và Kỹ năng thực hành tốt tại nhà thuốc</p>
Sử dụng thuốc trong điều trị 1	<p>Học phần này đề cập đến các kiến thức sử dụng thuốc trong điều trị, được trình bày trên một bệnh cụ thể nhằm giúp sinh viên thực hành chăm sóc dược theo mục tiêu và nguyên tắc điều trị đã đặt ra cho mỗi bệnh, giúp cho các bác sỹ và dược sỹ trong sử dụng thuốc. Các bệnh cụ thể: ệnh đường hô hấp (Viêm phổi, Hen và bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính); Bệnh máu và cơ quan tạo máu (Huyết khối); Bệnh nội tiết (Đái tháo đường, Rối loạn chức năng tuyến giáp); Bệnh thận – tiết niệu (Nhiễm khuẩn tiết niệu).</p>
Sử dụng thuốc trong điều trị 2	<p>Học phần này đề cập đến các kiến thức sử dụng thuốc trong điều trị, được trình bày trên một bệnh cụ thể nhằm giúp sinh viên thực hành chăm sóc dược theo mục tiêu và nguyên tắc điều trị đã đặt ra cho mỗi bệnh, giúp cho các bác sỹ và dược sỹ trong sử dụng thuốc. Các bệnh cụ thể: Sử dụng thuốc để điều trị các bệnh tim mạch (Suy tim, Tăng huyết áp); Sử dụng thuốc để điều trị các bệnh thuộc hệ tiêu hóa (Loét dạ dày – tá tràng, Tiêu chảy ở trẻ em); Sử dụng thuốc để điều trị các bệnh thuộc bộ máy vận động (Viêm khớp dạng thấp và thoái hóa khớp, Loãng xương, Bệnh Gout); Sử dụng thuốc trong điều trị bệnh ung thư. Sử dụng thuốc trong điều trị bệnh da liễu.</p>

Chăm sóc dược	<p>Chăm sóc Dược là nhiệm vụ tập trung vào việc điều trị bằng thuốc với mục đích cải thiện chất lượng cuộc sống cho bệnh nhân .</p> <p>Để thực hiện nhiệm vụ trên của chăm sóc dược, học phần này trình bày các nội dung sau: Nội dung cơ bản và những nhiệm vụ của Dược sĩ lâm sàng trong mô hình chăm sóc dược; Giáo dục và chăm sóc bệnh nhân; Theo dõi điều trị khi sử dụng thuốc ở bệnh nhân suy giảm chức năng gan – thận; Kiểm soát tương tác thuốc trên lâm sàng và Xây dựng được kế hoạch điều trị hệ thống và liên tục về thuốc cho bệnh nhân với một số bệnh mạn tính.</p>
Thực tập nghề nghiệp	<p>Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun) Đây là học phần giữ vị trí quan trọng cốt lõi về kỹ năng với nội dung giúp sinh viên quan sát, tìm hiểu, phân tích, đánh giá những công việc trong hoạt động thực tế nghề nghiệp, sát với việc làm sau khi tốt nghiệp. Sinh viên đi thực tế nghề nghiệp nhằm: - Hiểu biết rõ mô hình cơ bản của ba loại hình: Doanh nghiệp, bệnh viện và cơ sở bán lẻ thuốc; - Vận dụng kiến thức và kỹ năng đã được học tại trường vào thực tế hành nghề.</p>
Học phần chuyên môn tổng hợp/Khóa luận	<p>Học phần chuyên môn tổng hợp trang bị những kiến thức trong các lĩnh vực về chuyên ngành dược: Hóa dược, dược lý, dược động học, dược lâm sàng, sử dụng thuốc, thuốc cổ truyền và dược liệu, bào chế sản xuất thuốc, kiểm nghiệm thuốc, các văn bản quy phạm pháp luật về dược và kinh doanh thuốc, thực phẩm, mỹ phẩm.</p>

VI. CƠ SỞ THỰC HÀNH CHỦ YẾU

1. Thực tập/ thực hành tiền lâm sàng

Tại phòng thực tập, phòng thí nghiệm của Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam.

2. Thực hành tại các bệnh viện

- Khoa Dược - Bệnh viện Tuệ Tĩnh - Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam
- Các bệnh viện thuộc khu vực Hà Nội: BV Thanh Nhàn, BV Xanh Pôn, BV Đa khoa Hà Đông, BV Ung bướu Hà Nội, BV Y học cổ truyền Bộ Công An, Bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương.

3. Thực tập nghề nghiệp:

- Các Sở Y tế
- Khoa Dược bệnh viện
- Nhà thuốc
- Công ty Dược

1. Chương trình đào tạo ngành Dược học trình độ đại học được xây dựng trên cơ sở chương trình khung thống nhất giữa Bộ Y tế và Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 01/2012/TT – BGDĐT ngày 13 tháng 01 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc Ban hành Bộ chương trình khung giáo dục đại học khối ngành Khoa học sức khỏe trình độ đại học; Căn cứ Thông tư số 24/2017/TT – BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc Ban hành Danh mục giáo dục đào tạo cấp IV trình độ đại học; Chương trình được chuyển sang tín chỉ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo bao gồm **151** tín chỉ.

2. Sắp xếp nội dung và quỹ thời gian

Nội dung Chương trình đào tạo được sắp xếp các khối kiến thức theo thứ tự: Khoa học cơ bản, cơ sở ngành và kiến thức ngành Dược, có sự lồng ghép các khối kiến thức ở các mức độ khác nhau theo lộ trình học tập.

Trên cơ sở chương trình đào tạo của Học viện, dưới sự hướng dẫn của phòng Đào tạo Đại học, cán bộ quản lý khối và cố vấn học tập, sinh viên hoàn toàn chủ động trong việc xác định tiến trình học tập của bản thân.

3. Phương pháp dạy - học

Căn cứ vào nội dung lý thuyết, nội dung thực hành và cơ sở vật chất thực tế để lựa chọn riêng lẻ hay kết hợp đa phương pháp giảng dạy trong các phương pháp: thuyết trình, thảo luận nhóm, Team Based- Learning, viết chuyên đề, làm bài tập nhóm, cầm tay chỉ việc, thực hành, seminar ... tăng cường tính chủ động của sinh viên thông qua việc hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu tài liệu, nâng cao tính chủ động sáng tạo trong quá trình dạy và học.

4. Thực tập

- Thực hành, thực tập tiền lâm sàng: Tại phòng thực tập, phòng thí nghiệm
- Thực tập tại Khoa Dược bệnh viện

5. Kiểm tra, thi

Tùy theo các học phần, ngoài việc đánh giá quá trình học tập của sinh viên do giảng viên đánh giá, mỗi học phần đều được đánh giá thông qua các bài kiểm tra, thi kết thúc học phần.

Hình thức thi, kiểm tra hướng tới đánh giá năng lực người học.

6. Điều kiện công nhận tốt nghiệp

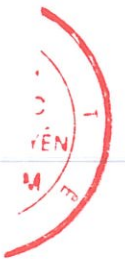
Sinh viên tích lũy đủ số tín chỉ các học phần trong chương trình đào tạo, không còn học phần nào bị điểm F, có chứng chỉ Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh, hoàn thành nghĩa vụ đối với Học viện theo quy định thì được xét công nhận tốt nghiệp.

GIÁM ĐỐC



HỌC VIỆN
Y - DƯỢC
HỌC CỔ TRUYỀN
VIỆT NAM

Đậu Xuân Cảnh



H
C
V
I
E
N

